|  |  |
| --- | --- |
| **LIÊN DANH TƯ VẤN XÂY DỰNG QUY HOẠCH TỈNH QUẢNG TRỊ THỜI KỲ 2021-2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **-------------------** |

**PHỤ LỤC**

**GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC CHUYÊN GIA ĐỐI VỚI BÁO CÁO CUỐI KỲ LẦN 1 QUY HOẠCH TỈNH QUẢNG TRỊ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

**MỤC LỤC**

[1.1. TS. Cao Viết Sinh – Nguyên Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư 3](https://docs.google.com/document/d/1DjqUNj14vV50EcJp_wWDcbJ5iyicQXHD/edit#heading=h.gjdgxs)

[1.2. Ông Trần Đình Thiên – Nguyên Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam, thành viên Tổ Tư vấn kinh tế của Thủ tướng Chính phủ 6](https://docs.google.com/document/d/1DjqUNj14vV50EcJp_wWDcbJ5iyicQXHD/edit#heading=h.30j0zll)

[1.3. TS Nguyễn Đình Cung – Nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, thành viên Tổ Tư vấn kinh tế của Thủ tướng Chính phủ 10](https://docs.google.com/document/d/1DjqUNj14vV50EcJp_wWDcbJ5iyicQXHD/edit#heading=h.1fob9te)

[1.4. PGS TS Bùi Tất Thắng – Nguyên Viện trưởng Viện chiến lược phát triển 13](https://docs.google.com/document/d/1DjqUNj14vV50EcJp_wWDcbJ5iyicQXHD/edit#heading=h.3znysh7)

[1.5. PGS.TS. Phạm Trung Lương – Nguyên Phó viện trưởng, Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch, Thành viên Tổ chuyên gia tư vấn Quy hoạch Quốc gia 16](https://docs.google.com/document/d/1DjqUNj14vV50EcJp_wWDcbJ5iyicQXHD/edit#heading=h.2et92p0)

[1.6. Thạc sĩ Nguyễn Văn Chinh – Nguyên Viện trưởng Viện Quy hoạch và thiết kế nông thôn 21](https://docs.google.com/document/d/1DjqUNj14vV50EcJp_wWDcbJ5iyicQXHD/edit#heading=h.tyjcwt)

[1.7. Liên danh tư vấn Công ty Sakae Corporate Advisory và Công ty tư vấn Surbana Jurong 30](https://docs.google.com/document/d/1DjqUNj14vV50EcJp_wWDcbJ5iyicQXHD/edit#heading=h.3dy6vkm)

**Liên danh tư vấn (LDTV)** xin giải trình và tiếp thu – điều chỉnh các nội dung hồ sơ quy hoạch, theo các ý kiến góp ý như sau:

1. **TS. Cao Viết Sinh – Nguyên Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Về hồ sơ, đề nghị tư vấn căn cứ vào quy định của pháp luật, làm đầy đủ các hồ sơ tài liệu.  Rà soát, đối chiếu với quy định Luật Quy hoạch, Nghị định 37 những nội dung nhiệm vụ trong một bản quy hoạch.  Cần căn cứ vào quyết định 776/QĐ-TTg về phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hầu như tư vấn không nhắc đến trong bản báo cáo, cần phải đối chiếu đảm bảo đúng nhiệm vụ được giao khi trình lên hội đồng thẩm định. | - LDTV tiếp thu và đã rà soát, đảm bảo phù hợp với quy định Luật Quy hoạch, Nghị định 37;  - Nhiệm vụ quy hoạch đã được nêu trong căn cứ lập đồ án và được căn cứ để lập quy hoạch. |
| 2 | Vấn đề phân tích điều kiện kinh tế - xã hội, về kết cấu bản quy hoạch cần làm rõ hơn, nổi bật hơn, có điểm nhấn hơn. Trong đó, nhất là đánh giá các tác động và khả năng liên kết kinh tế giữa Quảng Bình, Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng trong hành lang kinh tế, quan hệ kinh tế đối với phát triển kinh tế tỉnh Quảng Trị.  Quảng Trị trong thời gian qua phát triển khá, cần định vị Quảng Trị đến năm 2020 trong vùng Bắc Trung Bộ, trong vùng miền Trung và cả nước để làm rõ được vị thế của Quảng Trị. | Đánh giá các tác động và khả năng liên kết kinh tế giữa Quảng Bình, Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng trong hành lang kinh tế, quan hệ kinh tế đối với phát triển kinh tế tỉnh Quảng Trị được thể hiện trong Mục 3.1. Mối quan hệ liên vùng.  - Định vị tỉnh Quảng Trị so với vùng và cả nước đã đc phân tích ở mục *2.7.1. Tổng hợp chung về hiện trạng phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh (từ trang 41)* |
|  | Khi phân tích thực trạng, tư vấn cần thống nhất các ngành đánh giá tổng thể điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức. | - Thống nhất rà soát, đảm bảo tất cả các ngành đều có giá tổng thể điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức. |
|  | Vấn đề về Kinh tế biển, trong báo cần chỉ mới nhắc đến hải sản. Trong khi đó, kinh tế biển ở Quảng Trị còn có công nghiệp khí ở trên vùng biển Quảng Trị thì còn chưa đề cập đến, vấn đề bảo vệ an ninh chủ quyền.  Cần phân tích mối quan hệ cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động. Quảng Trị là một trong những điển hình trong sự chênh lệch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, cần phần tích rõ các nguyên nhân, rút ra bài học | - Đã tiếp thu và rà soát, đề cập rõ hơn Trong Mục 4.4.2.2 Công nghiệp và Mục 3.4.2 Các trọng điểm phát triển giai đoạn quy hoạch mục (1) Xác định năng lượng tái tạo là ngành trọng điểm. Trong đó, có bao gồm điện khí.  - Cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động Tiếp thu và bổ sung ở Mục sau:  *2.7.1.6 Cơ cấu lao động*  Cơ cấu lao động theo ngành nghề của tỉnh có sự chuyển dịch theo hướng tích cực: Lực lượng lao động trong lĩnh vực Công nghiệp – Xây dựng và Thương mại – dịch vụ có xu hướng tăng; Lực lượng lao động trong lĩnh vực Nông – lâm – thủy sản giảm.  Tuy nhiên lao động khu vực nông - lâm – ngư nghiệp vẫn đang là khu vực sử dụng nhiều lao động hơn so với các khu vực khác (mặc dù cơ cấu kinh tế lại thấp nhất – Bảng 2.17) do trình độ lao động trong khu vực này lại chủ yếu là lao động phổ thông hoặc chưa qua đào tạo nên khu vực này vẫn phải sử dụng nhiều lao động đồng thời cũng vì trình độ qua đào tạo thấp nên khả năng chuyển đổi sang ngành nghề, khu vực khác gặp khó khăn. Chính vì vậy cần  có các chính sách, cơ chế khuyến khích và phù hợp tạo điều kiện cho người lao động trong khu vực nông nghiệp, nông thôn dễ dàng được tiếp cận, chuyển giao kỹ thuật vào sản xuất cũng như đào tạo chuyển đổi nghề nếu có nhu cầu. |
| 3 | Trong phần định hướng quy hoạch, trong dự thảo không có quan điểm tổng thể và quan điểm cụ thể, cần nhất quán một quan điểm. Cần tập trung làm rõ các vấn đề trong quan điểm:  (1) Phù hợp với các chiến lược, các quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường và gắn với quốc phòng an ninh. Trong dự thảo, chỉ mới nếu kinh tế gắn với môi trường, cần bổ sung thêm vấn đề xã hội và quốc phòng an ninh là rất quan trọng với tỉnh Quảng Trị;  (2) Phát huy khả năng lợi thế để thu hút nguồn lực từ bên ngoài phát triển xanh bền vững, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số;  (3) Nhấn mạnh phát triển hạ tầng, làm đột phá để làm nền tảng tạo ra hành lang nhằm phát triển kinh tế lâu dài;  (4) Xây dựng chính quyền số, đổi mới căn bản hoạt động quản lý điều hành của tỉnh, của các cấp. Lấy tiêu chí phục vụ dân, phục doanh nghiệp. Cải thiên môi trường đầu tư;  (5) Gắn kết chặt chẽ kinh tế xã hội với  quốc phòng an ninh, hiệu quả đối ngoại, hợp tác quốc tế, đặc biệt chúng ta có đường biên giới rất dài với Lào. | - Thống nhất tiếp thu, rà soát, bổ sung tại mục ***3.2.1. Quan điểm phát triển tỉnh***. |
| 4 | Mục tiêu phát triển đến năm 2030, vẫn còn dàn trải, để nghi tư vấn cần làm ngắn gọn lại những vấn đề lớn:  (1) Quảng Trị thuộc nhóm trình độ phát triển khá cả nước  (2) Cơ cấu kinh tế là công nghiệp dịch vụ  (3) Trung tâm năng lượng tái tạo  (4) Điểm du lịch hấp dẫn | Đã rà soát, rút gọn các nhóm chỉ tiêu, tuy nhiên vẫn phải đảm bảo đề cập các chỉ tiêu cụ thể làm định hướng phát triển cho các ngành, lĩnh vực và đảm bảo mục tiêu tổng quát cũng như quan điểm phát triển. |
| 5 | Về phương án phát triển, dự báo và đưa ra 3 Kịch bản. Đề nghị tư vấn so sánh với cả nước, vùng. Căn cứ vào số liệu 2020 của tổng cục Thông kê để so sánh. | - Quy hoạch quốc gia và quy hoạch vùng đang được nghiên cứu, chưa có phương án dự báo. |
| 6 | Về mục tiêu trong quy hoạch đề ra, tư vấn nên lựa chọn ra các chỉ tiêu cốt lõi, đưa vào mục tiêu chủ yếu, mục tiêu nhỏ đưa vào mục tiêu ngành.  Mục tiêu 2050, dự thảo đưa ra vẫn chung chung, chưa định vị Quảng Trị năm 2050 như thế nào trong bối cảnh chung cả nước phát triển, có thu nhập cao. Đề nghị Tư vấn tính toán lại tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2031 – 2050, bình quân đầu người, tỷ lệ đô thị hóa năm 2050 . | - Đã rà soát, rút gọn các nhóm chỉ tiêu.  - Việc tính toán chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng cho giai đoạn 2031 – 2050 là không khả thi và không có ý nghĩa. Đối với giai đoạn đến 2050 chỉ xác định tầm nhìn/mục tiêu dài hạn và các nguyên tắc phát triển cũng như một số định hướng lớn. |
| 7 | Về đột phá và trọng tâm, dư thảo nêu ra 10 đột phá và 7 trọng tâm. Đề nghị tư vấn ra soát, chọn ra những đột phá và trọng tâm thiết thực. | - Thống nhất tiếp thu điều chỉnh thành 4 đột phá và 5 trọng tâm tại mục **3.4. Các lĩnh vực tạo đột phá phát triển và các ngành trọng tâm phát triển tỉnh** |
| 8 | Về tổ chức không gian phát triển, làm rõ điểm mới khi có đường bộ cao tốc Bắc Nam, sân bay Gio Linh, cảng Mỹ Thủy, đường ven biển. Với điều kiện phát triển đó thì Quảng Trị sẽ khác trước như thế nào | - Tổ chức không gian đã đề cập các nội dung, qua đó định hướng phát triển Quảng tị trong tương lai, tạo ra sự phát triển và thay đổi cho Tỉnh. Các nội dung cụ thể đã được thể hiện tại mục **4.2.  Định hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế xã hội** |
| 9 | Đô thị là động lực lan tỏa quan trọng, về phát triển đô thị, Đông Hà có đặt vấn đề lan tỏa ra phía nào. | - TP. Đông Hà lan toả kết nối với cả dải đô thị - công nghiệp trung tâm và với khu vực ven biển. |
| 10 | Quy hoạch 4 hành lang, cần cất nhắc lại. Hành lang phía tây khó phát triển, cần tận dụng hành lang trung tâm Bắc - Nam, làm rõ 5 điểm kết nối như thế nào, không gian kết nối với 5 điểm cao tốc tận dụng khai thác như thế nào, đây là nội dung quan trọng, điểm phát triển lâu dài cho tỉnh Quảng Trị.  Tập trung miền Đông, chưa có đinh hướng phát triển miền Tây. | - Hành lang phía Tây khó phát triển nhưng cần được quan tâm để đảm bảo các mục tiêu phát triển cân bằng và an sinh xã hội cho vùng núi phía Tây.  - Định hướng phát triển không gian đã nhấn mạnh vấn đề khai thác kết nối với đường bộ cao tốc và định hướng phát triển khu vực trung du, miền núi (phía Tây của Tỉnh). |
| 11 | Danh mục dự án ưu tiên đầu tư khá phân tán, chưa rõ quy mô. Thiếu danh mục quy hoạch các ngành lĩnh vực, ví dụ: quy hoạch mạng lưới du lịch, y tế, thủy lợi,… | - Thống nhất tiếp thu, rà soát, bổ sung trong các nội dung tại mục ***12.3.2. Danh mục các dự án ưu tiên từ ngân sách và danh mục thu hút đầu tư cấp tỉnh theo thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện dự án*** |
| 12 | Tính toán huy động nguồn lực, giải pháp thực hiện quy hoạch trong bản dự thảo chưa đề cập, tính toán NSNN, dự kiến nguồn vốn, thu hút đầu tư. | - Báo cáo QH tỉnh đã đề xuất các giải pháp huy động nguồn lực và thực hiện quy hoạch, đề xuất dự kiến nguồn vốn cho các dự án ưu tiên đầu tư tại mục **PHẦN XII. DANH MỤC DỰ ÁN CỦA TỈNH VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN THỰC HIỆN** |
|  |  |  |

1. **TS. Trần Đình Thiên – Nguyên Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam, thành viên Tổ Tư vấn kinh tế của Thủ tướng Chính phủ**

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Đánh giá cao việc đinh vị tỉnh Quảng Trị trong Miền Trung, nhưng chưa hết tầm. Cần rút gọn các số liệu chi ly, lặp đi lặp lại, cần có những nhân định so sánh. Cần giải thích được tại sao Quảng Trị đạt được như vậy, miền trung đạt được như vậy, và đưa ra kết luận bài học gì cho Quảng Trị. | - Các nội dung phân tích hiện trạng đều đã có kết luận để làm cơ sở đề xuất quy hoạch. |
| 2 | Chưa đánh giá được thực trạng Doanh nghiệp tại Quảng Trị. Tỷ lệ doanh nghiệp còn nhỏ, đấy là một điểm yếu, thách thức của tỉnh trong tương lai. Doanh nghiệp là lực lượng chủ đạo trong nền kinh tế thị trường, đánh giá nêu ra được nguyên nhân. Đánh giá chỉ số PCI, cũng như các chỉ số khác để giải thích sức hấp dẫn đầu tư của tỉnh Quảng Trị, giải thích cơ bản chỉ số đầu tư tỉnh. | -Tiếp thu bổ sung trong mục *2.12.* *Hiện trạng huy động nguồn lực trên địa bàn tỉnh – Ý a) Về phát triển doanh nghiệp và môi trường thu hút đầu tư*:  Về môi trường thu hút đầu tư, theo kết quả xếp hạng PCI năm 2021 được công bố vào ngày 27/4/2022, chỉ số Gia nhập thị trường của tỉnh có sự tăng thứ hạng rất cao, xếp thứ 8/63 tỉnh, thành phố, xếp thứ 2/9 tỉnh khu vực duyên hải miền Trung và tăng 26 bậc so với năm 2020. Cũng theo đánh giá của VCCI, năm 2021, Quảng Trị là một trong số 7 tỉnh có thời gian đăng ký thay đổi các nội dung đăng ký doanh nghiệp lý tưởng nhất của cả nước, có 78% doanh nghiệp có ý kiến việc hướng dẫn thủ tục là rõ ràng, dễ hiểu (mức thấp nhất cả nước là 37%), tỉ lệ doanh nghiệp phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục chính thức hoạt động là 3% (mức cao nhất cả nước là 30%). Đặc biệt không có doanh nghiệp nào phải chờ trên 3 tháng để hoàn tất các thủ tục chính thức hoạt động. Để thu hút thêm nhiều nhà đầu tư[1], chính quyền tỉnh cam kết sẽ thực hiện tốt hơn nữa cải cách hành chính, tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp, cải thiện chỉ số PCI, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước. Việc đẩy mạnh cải cách hành chính sẽ tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư trong triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong đó, Quảng Trị phấn đấu Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh thuộc nhóm 20 tỉnh, thành phố dẫn đầu của cả nước, nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài.  [1] Theo Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 13/1/2022 của UBND tỉnh “Thực hiện Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022”. |
| 3 | Phân tích về định vị lại lợi thế phát triển của tỉnh Quảng Trị, điều kiện phát triển khó khăn trong nông nghiệp, công nghiệp truyền thống,…. Nhấn mạnh Quảng Trị đang biến bất lợi thế truyền thống thành lợi thế cạnh tranh. Đánh giá lại lợi thế phát triển theo quan điểm phát triển dựa trên nền tảng công nghệ, hội nhập, du lịch đẳng cấp cao, mang tính bản sắc của tỉnh Quảng Trị. | - Thống nhất tiếp thu, rà soát, bổ sung trong các nội dung có liên quan (nông nghiệp, công nghiệp truyền thống; Đánh giá tổng hợp hiện trạng và bối cảnh phát triển tỉnh…). |
|  | Dựa trên nền tảng công nghệ, du lịch đẳng cấp cao, phát huy các tiềm năng. VD du lịch tuy kém phát triển nhưng nếu kết nối với Thừa Thiên Huế và Quảng Bình thành tuyến du lịch tầm quốc tế vì sao chưa sử dụng được, cần điều kiện gì? Quảng Trị là mảnh đất linh thiêng cho phát triển, Thánh địa La Vang cần nhấn mạnh. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đơn vị tư vẫn cũng đã đưa ra những định hướng và giải pháp liên kết phát triển du lịch Quảng Trị với các tỉnh như Quảng Bình, Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam,… tại mục *c) Các tuyến du lịch* phần **5.2.3. Định hướng tổ chức không gian du lịch** |
| 4 | Về điểm mạnh điểm yếu bổ sung thêm  - Quảng Trị là một mạnh đất linh thiên (vùng thành cổ, vùng nghĩa trang liệt sử, thánh địa La Vang,…) cho phát triển, gồm:  - Thiếu nguồn lực cho phát triển (quy mô kinh tế bé): nguồn vốn, nguồn nhân lực(về chất lượng và số lượng).  - Năng lực cạnh trạnh của tỉnh Quảng Trị chưa cao, nhìn thẳng vào sự thật để tạo đột phá. | - Thống nhất tiếp thu, rà soát, bổ sung trong các nội dung có liên quan (có chọn lọc).  Trong dự thảo đã đề cập đến:  - Điểm mạnh: + Giá trị văn hóa, lịch sử đa dạng, có giá trị đặc thù, đặc trưng…;  - Điểm yếu:  + Quy mô dân số nhỏ, tỷ lệ xuất cư khá cao; Nguồn nhân lực chưa qua đào tạo còn lớn.  + Quy mô phát triển kinh tế còn nhỏ, năng lực cạnh tranh chưa mạnh. |
| 5 | Đề xuất quy hoạch quá chi tiết, không làm rõ những nét lớn, làm rõ hơn hệ thống logic ưu tiên.  Vị thế Quảng Trị vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Quảng Trị chính thức là không phải thành viên của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Cần nói rõ vị thế đối với vùng kinh tế trọng điểm. Nếu mà trong bối cảnh chưa thay đổi cách tiếp cận cơ chế chính sách chung thì Quảng Trị có thể đề xuất có chế chính sách đặc thù. | - Đã bỏ nội dung về Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung;  - Sẽ xin ý kiến các cơ quan có liên quan vv xin cơ chế chính sách đặc thù cho tỉnh Quảng Trị. |
| 6 | Đối với hàng lang kinh tế Đông Tây, nếu mà tập trung vào đây thì tỉnh Quảng Trị sẽ được hưởng lợi rất nhiều. Nhưng trên thực tế, triển vọng vẫn còn chưa rõ ràng. Cần đánh giá, dự báo tương lai rõ ràng hơn, trước khi đưa vào cơ sở phát triển quan trọng, mang tính bùng nổ, cân nhắc thêm như một luận cứ cho khả năng phát triển của tỉnh Quảng Trị. | - Đơn vị tư vấn đã đánh giá, dự báo trong báo cáo dự thảo chuyên đề ***Nghiên cứu, nâng cao hiệu quả khai thác tiềm năng và lợi thế hành lang kinh tế đông – tây thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*** |
| 7 | Các mục tiêu và định hướng phát triển của tỉnh Quảng Trị:  - Quan điểm tổng quát và cụ thể đề nghị theo tinh thần những ý tưởng mang tính định hướng cho cách phát triển, không nên quá phân tán.  - Trước khi có quan điểm, vì những giá trị đặc thù khác biệt nên có một cách nhìn hình dung về chân dung tương lai mang tính đặc trưng. Trở thành mảnh đất linh thiên, mang lại hạnh phúc cho con người. Định hướng giá trị phát triển của Quảng Trị trong tương lai. | - Đã rà soát, điều chỉnh, rút gọn các nội dung về quan điểm, tầm nhìn, định hướng các giá trị phát triển cho tỉnh. |
| 8 | Luận chứng các kịch bản, đồng tình kịch bản khá, chỉ cần 1 cú đột phá, thì Quảng Trị có bùng lên rất nhanh về các chỉ số phát triển định lượng. Nhưng cách tính các luận cứ, các chỉ số tính nên xem xét lại, chưa được nhất quán và phù hợp. | - LDTV đã rà soát để đảm bảo nhất quán và phù hợp. |
| 9 | Phân tích khả năng huy động vốn và nguồn lực cần phải đảm bảo, hai yếu tố cơ bản phải được đảm bảo. Tính khả thi chính là nguồn lực lao động và nguồn lực vốn, muốn bùng nổ phát triển phải tính lao động ở đâu, có chế kết nối nguồn nhân lực.  Nguồn lực vốn, từ dân cư 30%, doanh nghiệp 45% cần có giải phảp để đảm bảo huy động được nguồn vốn này. | - Báo cáo đã đề xuất các giải pháp tạo đột phá trong vấn đề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại mục ***6.12.1. Phương án phát triển về dân số; Lao động – việc làm – nguồn nhân lực***  và thu hút vốn đầu tư tại mục ***12.3.1. Luận chứng về khả năng đáp ứng về nguồn lực*** |
| 10 | 10 nhiệm vụ trọng tâm và 7 khâu đột phá có thể là nhiều, nên thu hẹp lại. Các khâu đột phá tập trung 3 khâu đột phá, làm rõ hơn cấch tiếp cận về đột phá. Đột phá về nhân lực đây nhà nhân lực, đây là thách thức nhất. Đề xuất khâu đột phá về thể chế của Quảng Trị đặt lên ưu tiên hàng đầu.  Đề xuất riêng trong các đột phá riêng, nếu không phải đột phá thì phải ưu tiên:  + Năng lượng tái tạo  + Du lịch nên đưa lên ưu tiên hàng đầu. Các đầu tư lớn vào thì ngân sách, nhà đầu tư được hưởng lợi tốt, nhưng lan tỏa đến dân ít, còn du lịch làm tốt thì lan tỏa đến người dân rất nhiều. Việc kết nối tuyến du lịch Quảng Bình, Thừa Thiên Huế thành tuyến du lịch hạng nhất của cả vùng, cả nước, tạo ra một thế mạnh. Nên đặt du lịch Quảng Trị ở tầm cỡ cạnh tranh quốc tế, nhưng với cách tiếp có sự liên thông, tạo sự cộng hưởng sức mạnh.  Quan trọng nhất của quy hoạch là xác định ưu tiên, tập trung vào khâu đột phá mạnh thì xoay chuyển được tình thế phát triển của tỉnh Quảng Trị. | - Thống nhất tiếp thu, chỉnh sửa trong các nội dung tại mục ***3.4.1. Các lĩnh vực tạo đột phá phát triển*** và ***3.4.2. Các ngành trọng điểm phát triển trong giai đoạn quy hoạch*** |
|  |  |  |

1. **TS Nguyễn Đình Cung – Nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, thành viên Tổ Tư vấn kinh tế của Thủ tướng Chính phủ**

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Muốn có lối ra nhất quán cần có triết lý phát triển và thấm nhuần qua các thế hệ lãnh đạo và lan tỏa trong người dân Quảng Trị. Người dân Quảng Trị là một phần trong việc thực hiện quy hoạch, cảm nhận được lợi ích của trong việc thực hiện quy hoạch | Thống nhất và đã nhấn mạnh trong quan điểm phát triển “bao trùm”, đảm bảo để mọi tầng lớp dân cư, doanh nghiệp đều được tạo cơ hội và được hưởng lợi từ các kết quả phát triển. |
| 2 | Cần có đánh giá về lực lượng doanh nghiệp bao gồm cả hộ kinh doanh cả thể, doanh nghiệp vừa và nhỏ lực lượng này sẽ là lực lượng quan trọng trong việc thực thi quy hoạch này cũng như cách thức phát triển của tỉnh Quảng Trị.  Cần đánh giá sâu hơn mô hình phát triển của tỉnh Quảng Trị trong thời gian qua. Đặc biệt nhấn mạnh đến nguồn lực và động lực phát triển trong thời vừa rồi, từ đó chúng ta mới kế thừa và phát triển cho 5 năm, 10 năm tới. | - Tiếp thu bổ sung trong mục *2.12. Hiện trạng huy động nguồn lực trên địa bàn tỉnh – Ý a) Về phát triển doanh nghiệp và môi trường thu hút đầu tư.*  Các phân tích liên quan đến mô hình phát triển đã được thể hiện và rà soát bổ sung trong *Mục 2.7.1. Tổng hợp chung về hiện trạng phát triển kinh tế trên địa bàn Tỉnh.* |
| 3 | Quan điểm phát triển, mục tiêu phát triển, cách thức phát triển:  - Tuân thủ phát luât, quy hoạch trên,…  - Mục tiêu phát triển: không nên quá chi tiết, đừng đặt ra số lượng mà chất lượng.  - Mô hình và cách thức phát triển, mang lại lợi ích cho người dân, sự tham gia của người dân, xu hướng xanh và số hóa tạo ra sự thay đổi cho Quảng Trị  - Nguồn lực của sự phát triển, tận dụng lội thế địa phương, dựa vào nguồn lựa địa phương. Cần lựa chọn phải đúng với mô hình phát triển, mô hình lan tỏa phục vụ lợi ích của người dân.  Mô hình lựa chọn có thể không cao, nhưng không thấp và người dân hưởng lợi, không để các nhà đầu tư sử dụng tài nguyên mang lại lợi ích đến nơi khác | - Thống nhất tiếp thu, chỉnh sửa trong các nội dung Tại mục **3.2. Quan điểm và mục tiêu phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch** |
| 4 | Về 6 lĩnh vực ưu tiên đột phá  -Trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, các địa phương cạnh nhau lắp đặt, dẫn đến việc không sử dụng hết, dẫn đến lãng phí nguồn lực. Thiết kế công nghệ sử dụng cho địa phương, công nghiệp, du lịch, chế biến, dịch may,…. Đạt tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo trong sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế. Cần có định hướng về chuyển dịch năng lượng của Quảng Trị khi sử dụng năng lượng tái tạo, nếu chỉ xây dựng lắp đặt lên rất nhiều thì chúng ta cũng chỉ là nơi đi tiêu thụ thiết bị năng lượng tái tạo cho các nhà đầu tư nước ngoài. Xu hướng chuyển dịch năng lượng cần phải cẩn trọng. | - Thống nhất tiếp thu, Xu hướng chuyển dịch năng lượng là chuyển đổi từ các loại hình nguồn năng lượng hoá thạch gây ô nhiễm sang các dạng năng lượng sạch như năng lượng tái tạo. Tỉnh Quảng Trị có tiềm năng phát triển các nguồn năng lượng tái tạo. các nguồn điện tái tạo của tỉnh có thể sẽ không cấp điện hoàn toàn cho tỉnh, nhưng có ý nghĩa quan trọng trong cân bằng năng lượng vùng và toàn quốc. Mặt khác, Chính phủ cũng đang xem xét để đưa ra các cơ chế như đấu thầu, mua bán điện trực tiếp để làm căn cứ xác định các dự án được đầu tư xây dựng, tránh việc phát triển quá mức nguồn năng lượng tái tạo ở địa phương. |
|  | - Đối với lĩnh vức du lich, không nên chú trọng vào số lượng khách du lịch, mà nên chú trọng vào chất lượng dịch vụ du lịch, cố gắng thu hút du lịch cao cấp. Ngoài du lịch sử, khám phá, những chỗ hệ sinh thái tốt nên phát triển du lịch khám phá và nghỉ dưỡng chất lượng cao, không có lợi thế du lịch mua sắm, suy nghĩ kỹ về đối tượng khách không hướng đến du lịch đại chúng.. | - Tiếp thu ý kiến góp ý, một trong những quan điểm chủ đạo phát triển du lịch Quảng trị là tăng trưởng xanh hướng tới phát triển bền vững, bảo vệ tài nguyên môi trường. Phương án phát triển du lịch tỉnh Quảng trị đã đưa ra các định hướng về phát triển thị trường, sản phẩm du lịch để thu hút khách du lịch. Tuy nhiên không quá chú trọng vào tăng số lượng du khách mà chú trọng vào tăng chất lượng dịch vụ, sản phẩm du lịch, xây dựng một số sản phẩm du lịch và bố trí không gian phát triển du lịch phù hợp để thu hút khách du lịch cao cấp. Trong dự thảo đã nêu trong mục 5.2.2. Phương án phát triển du lịch |
|  | - Về chế biến nông nghiệp, có tăng trưởng khá tốt tự nhiên, lại muốn giảm, kìm hãm tốc độ tăng trưởng của nó, phát công nghiệp, dịch vụ không làm hại, hy sinh đến nông nghiệp. Xây dựng mô hình kinh doanh nâng cấp giá trị cho sản phẩm nông nghiệp của chúng ta. Nông nghiệp vẫn có nhiều lợi thế và gắn với hệ sinh thái chuyển đổi năng lượng. | - Tiếp thu ý kiến góp ý. Nông nghiệp tuy có giảm tỷ trọng trong cơ cấu toàn nền kinh tế, nhưng vẫn là ngành quan trọng, được quan tâm ưu tiên và có các định hướng phfu hợp với yêu cầu của thời đại mới. |
|  | - Kết cấu hạ tầng có 2 điểm quan trọng:  + Kết nối nhanh, thì sân bay là một phương tiên không thể thiếu  + Khi phát triển du lịch sinh thái, du lịch chất lượng cao không thể thiếu những giải phát về an toàn, an ninh, bảo vệ mội trường, cấp thoát nước cần đặt lên hàng đầu trong bảo vệ môi trường sống của Quảng Trị, nên đưa vấn đề này lên tầm quan trọng hơn. | - Quy hoạch Tỉnh đã bao gồm nội dung xây dựng sân bay Quảng Trị.  Các giải pháp về an toàn, an ninh, bảo vệ môi trường, là các giải pháp quan trọng không chỉ riêng trong phát triển du lịch sinh thái mà cả trong phát triển các sản phẩm du lịch khác của tỉnh Quảng trị và các giải pháp này có tầm quan trọng đặc biệt trong việc phát triển sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch chất lượng cao. Cụ thể đã được thể hiện trong các giải pháp phát triển du lịch trong nội dung đề xuất phương án phát triển du lịch tỉnh Quảng Trị. |
|  | - Đột phá môi trường kinh doanh rất khó, Quảng Trị có thể ngay lập tức tiến vào cách thức đánh giá chỉ số phát triển xanh. | - Thống nhất bổ sung các chỉ số phát triển xanh vào ***Mục 3.5.*** ***Một số mục tiêu, chỉ tiêu phát triển cụ thể của tỉnh đến năm 2030.*** |
|  | Phân bố không gian, cách thức phát triển ở Quảng Trị không có đô thị lớn, không đô thị nén mà phân vùng gồm nhiều đô thị nhỏ thì cách thức phát triển này hợp lí. | - Định hướng phát triển đô thị và phân bố dân cư đã xác định: Không nhất thiết mở rộng các đô thị thành các đô thị quá lớn mà phát triển toàn dải không gian dọc theo đường Ql1 và đường bộ cao tốc là vùng đô thị - dân cư, kết hợp với các điểm đô thị ven biêrn cũng như trong khu vực phía Tây của Tỉnh. |
|  | Đồng thời, đầu tư không có những dự án lớn, cũng tương tự đối với đô thị. Nếu chúng ta huy động được nguồn lực của dân và phát triển dựa trên cách thức phân bố hướng tới tạo hữu sản cho người dân, đồng thời vốn hóa được tài sản của người dân (đất đai), những dự án phát triển không nên đuổi dân đi và hữu sản hóa tài sản người dân lên, đấy là cách phát triển nhờ tài sản người dân. | - Quan điểm phát triển đã được điều chỉnh, nhấn mạnh quan điểm thông quan. *Quan điểm số (5): Phát triển theo mô hình tăng trưởng bao trùm, trong đó, các thành quả phát triển lan toả đến mọi thành phân dân cư và cộng đồng cùng được hưởng lợi và có cơ hội tham gia vào quá trình phát triển.* |
|  | Tuy nhiên, cần phải sửa đổi Luật Đất đai, cách thức quy hoạch sử dụng đất. Với cách thức phân bổ đất đai như hiện nay, là một có chế vô cùng cứng nhắc, triệt tiêu hết năng động sáng tạo và phương án phát triển phù hợp với địa phương. Nhưng cũng cần phải chuẩn bị, có một mô hình phát triển mới cho tỉnh Quảng Trị. | - Trong khuôn khổ các quy định pháp luật hiện hành, định hướng quy hoạch sử dụng đất cần được thể hiện sao cho có thể bao gồm nhiều chức năng trong mỗi khu vực/khu đất, đảm bảo sự linh hoạt trong việc tổ chức thực hiện, đáp ứng bối cảnh và nhu cầu phát triển luôn biến động, mà vẫn đảm bảo phù hợp với các mục tiêu, chiến lược và tầm nhìn đã xác định. Kiểm soát và quản lý đất đai được kết hợp sử dụng bản vẽ và các chỉ tiêu đất đai. |
|  | - Nguồn nhân lực, dân cư cho xu hướng xanh, xu hướng số ít. Đột phá về nguồn nhân lực cần đạo tạo về xu hướng số, xu hướng xanh. Đưa vào các chương trình phổ thông ngày từ cấp THCS những chương trình về xanh, số, chuyển đổi số, kinh tế, xã hội số cho học sinh, nâng cấp kiến thức cho người dân Quảng Trị, nên nhấn mạnh vào hỗ trợ cho danh nghiệp, bán hàng. Cho doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể tiếp cận thị trường lớn.  Thay đổi tư duy và triến lý phát triển là: lợi thế địa phương, nhân lực địa phương, nguồn lực địa phương, sáng kiến địa phương, số hóa, xanh hóa và thị trường toàn cầu. Tạo lợi ích cho người dân, lựa chọn, tiếp nhận nhà đầu tư khi họ phù hợp với triết lý và phương án phát triển của tỉnh. | - Phát triển nguồn nhân lực đã được xác định là khâu đột phát và phát triển đào tạo nghề, đào tạo chuyên nghiệp có áp dụng xu hướng số và công nghệ 4.0 là một trong những biện pháp quan trọng để thực hiện quy hoạch.  - Thống nhất đề xuất bổ sung nội dung về phát triển xanh, số, chuyển đổi số, kinh tế, xã hội số cho học sinh từ THCS trong chương trình hỗ trợ hướng nghiệp và nhấn mạnh nội dung đào tạo về xanh, số, chuyển đổi số, kinh tế, xã hội số trong các chương trình đào tạo chuyên nghiệp, đào tạo lại để nâng cấp kiến thức cho người dân Quảng Trị. Tại *Mục 6.12.1.4. Phương án lao động – việc làm – phát triển nguồn nhân lực.*  - Nội dung về phát triển công nghiệp, thương mại, du lịch và các ngành kinh tế, nói chung, đều đã đề cập đến nội dung lồng ghép với các nội dung kinh tế xanh, số, chuyển đổi số, kinh tế, xã hội số... |

1. **PGS TS Bùi Tất Thắng – Nguyên Viện trưởng Viện chiến lược phát triển**

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Phân tích điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội đặc thù của tỉnh. Phần bối cảnh vẫn nặng về mô tả, chưa có các đánh giá. | - Đã đảm bảo mỗi phần phân tích đều có kết luận, đánh giá. |
| 2 | Đánh giá hiện trạng đã có một số phân tích, phản ánh tương đối rõ tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Trị 10 năm qua. Nhưng một số nội dung vẫn còn thiếu, mỗi một lĩnh vực cần có đánh giá, để rút ra những định hướng sau này. Nếu thống nhất chuỗi số liệu, tương ứng với quy hoạch thời gian sắp tới, cho chúng ta thấy một xu hướng một cách rõ ràng. Khi phân tích đến cách ngành kinh tế, kể cả ngành xã hội, có thể nhìn dưới góc độ kinh tế, nhưng ngành và lĩnh vực nào đang đóng vai chủ lực trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh 10 năm qua. Xu hướng, bối cảnh quốc tế đối với ngành lĩnh vực. Nên lấy cấp ngành thứ 2 trong hệ thống thống kê. Đánh giá theo 3 tiêu chí: quy mô đóng góp trong nên kinh tế, quy mô lao động, tốc độ tăng trương sự quan tâm của giới kinh doanh. Trong những ngành cấp 2, ngành nào là quan trọng trọng 10 năm tới, có thể tăng hay giảm để có động thái quản lý phù hợp. | - Báo cáo đã rà soát các nội dung đánh giá theo các nội dung chính về kinh tế - xã hội và đã có kết luận về các nội dung chính.  - Trong mỗi ngành chính lại phân tích đến cấp ngành thứ 2 để đánh giá hiện trạng và đề xuất định hướng phát triển. |
| 3 | Trong lĩnh vực sử dụng đất, theo nghị định 37, có nếu đánh giá tính hợp lý và hiệu quả của sử dụng đất. Mục tiêu công nghiệp hóa thì cần có quỹ đất cho công nghiệp, 1ha đất mang lại giá trị thế nào cho mỗi ngành.  Lĩnh vực phân bố phát triển không gian của hệ thống đô thị và nông thôn, theo yêu cầu của NĐ 37 nói về tính phù hợp, kết hợp các ngành nghề lĩnh vực, trong đó phát triển đô thị xem như một động lực phát triển cho vùng (Nghị quyết Đại hội 13), như thế nào là hợp lý? | - Đã rà *soát*, bổ sung đánh giá kỹ hơn tại Mục *2.9.1.2. Phân tích hiện trạng sử dụng các loại đất năm 2020.*  - Đã được tổng hợp phân tích trong *Mục 2.13. Đánh giá chung về hiện trạng bố trí không gian phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị.* |
| 4 | Tất cả ưu điểm, hạn chế có nguyên nhân từ đâu (cơ chế chính sách, cải cách hành chính, quan tâm của nhà đầu tư, xu thế thế giới,…) rút ra các nguyên nhân | - Các phân tích về ưu điểm, hạn chế trong thực trạng phát triển của tỉnh đã bao gồm các nhận định về nguyên nhân. |
| 5 | Đánh giá căn cứ theo quy hoạch đã có (QH Kinh tế - xã hội đến năm 2020), đánh giá xem các mục tiêu nào đạt, mục tiêu nào không. Từ đó, đưa ra các phân tích mang tính nguyên nhân, để chi ra cho giai đoạn sắp tới. | - Thống nhất bổ sung, đánh giá kỹ hơn tại *Mục 2.14.1. Rà soát đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch* *tổng thể kinh tế xã hội tỉnh quảng trị giai đoạn 2011-2020* |
| 6 | Quy hoạch cho giai đoạn tới, đánh giá bối cảnh cần sát với Quảng Trị. Quan điểm phải định vị được Quảng Trị.  Lĩnh vực Quốc phòng – An ninh cần có quan điểm quan hệ kinh tế.  Phương hướng và định vị không gian phải rõ được các ngành nghề có tính chủ đạo, lẫn các sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới, định vị không gian.  Quy hoạch cụ thể hóa chiến lược, không chỉ Đại hội 13, mà còn chi phối bởi Chiến lược về Đô thị mới ban hành, Kinh tế Biển,….  Phần phân tích kinh tế biển cần có nội dung riêng. Đó là phân tích đóng góp GDP, thu hút lao động, triển vọng,… | - Tiếp thu, đã rà soát lại các nội dung đánh giá bối cảnh phát triển và định vị Quảng Trị (Mục 3.1. Mối quan hệ liên vùng);  - Quan điểm về đảm bảo quốc phòng – an ninh đã xác định: Xây dựng thế trận Quốc phòng – An ninh trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội.  - Nội dung Mục IV. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI đã đề xuất các nội dung này.  - Các căn cứ đề xuất đã bao gồm: Văn kiện Đại hội 13, Chiến lược về Đô thị mới ban hành...  - Theo đề cương nghiên cứu được phê duyệt, không có nội dung nghiên cứu riêng về kinh tế biển mà kinh tế biển được trình bày như một phần trong nội dung về định hướng phát triển kinh tế. |
| 7 | Nhiều số liệu, nhiều thông tin không khớp trong dự thảo (Ví dụ: diện tích của tỉnh Quảng Trị, Quy mô dân số,…) | - Diện tích của tỉnh Quảng Trị đã cập nhật, thống nhất  là 4.701,23 km2 tại trang số 1, 11 và 470.123,00 ha tại trang 75, 177, 178, 185, 188, 363, 554, 557, 795, 796  - Dân số hiện trạng năm 2020 là 638.627 người tại trang 1, 11, 17, 17. |
| 8 | Quảng Trị là mảnh đất đặc biệt, trong kháng chiến đã coi Vĩnh Linh là đặc khu. Nay hòa bình, thống nhất đất nước đã lâu, quá trình phục hồi kinh tế - xã hội đã đạt được rất nhiều thành tích, thành tựu. Tuy nhiên, Quảng Trị vẫn còn khao khát nâng cao đời sống mọi mặt của người dân và chính quyền quản lý khao khát cân đối về ngân sách. Cần đưa mục tiêu này vào, sẽ chủ động tạo ra những cơ sở hạ tầng, văn hóa xã hội thúc đẩy phát triển đời sống của người dân tốt hơn. | - Mục tiêu phát triển cụ thể đã bao gồm các việc nâng cao đời sống mọi mặt của người dân và cân đối về ngân sách địa phương. |
|  |  |  |

1. **PGS.TS. Phạm Trung Lương – Nguyên Phó viện trưởng, Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch, Thành viên Tổ chuyên gia tư vấn Quy hoạch Quốc gia**

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Cách tiếp cận và phương pháp: tạo nên sự sự khác biệt để tạo năng lực cạnh tranh. Từ đó, định hướng phát triển những ngành có thể tạo sự khác biệt | - Định hướng phát triển đã chú trọng việc khai thác các tiềm năng và lợi thế của Quảng Trị, trong đó, có một số lợi thế khác biệt về văn hoá, lịch sử, khả năng tiếp cận tài nguyên. |
| 2 | Hiện trạng và bối cảnh phát triển cần bổ sung và làm rõ một số nội dung:  - Xác định rõ lợi thế so sánh, dựa trên phân tích các yếu tố vị trí địa lý, tự nhiên, văn hóa xã hội, nguồn lực phát triển, nhất là tiềm năng tài nguyên. Đây là những căn cư tiêu chí rất là quan trọng để xác định ngành quan trọng của tỉnh (lợi thế, tiềm năng; hiện trạng đóng góp của ngành, xu thế trong tương lại; xu thế “cầu” đối với ngành)  - Về đánh giá thực các ngành, các lĩnh vực không chỉ đơn giản đưa ra các chỉ số phát triển trong giai đoạn (thông nhất gian đoạn đánh giá là 2021 – 2020), cần có sự so sánh những ngành này đối với các tỉnh khác trong vùng.  - Về mối quan hệ vùng: cần phải mô xẻ nguyên nhân tỉnh vẫn chưa phát triển như kỳ vọng, liên kết các ngành với các ngành, liên kết phát triển chung với các tỉnh phụ cận chưa được như mong muốn. Cần đánh giá thêm hiện trạng liên kết phát triển.  - Đánh giá các điểm nghẽn của sự phát triển của tỉnh Quảng Trị trong thời gian qua. Một trong những nguyên nhân, Quảng Trị là một địa phương huy sinh rất nhiều cho đất nước, nhưng mà chính sách của nhà nước đối với địa phương chưa thỏa đáng. Do đó, cần xác định các điểm nghẽn hiện nay (thể chế, con người, hạ tầng,…) và xác định nguyên nhân. Đề xuất mạnh hơn về cơ chế đặc thù cho Quảng Trị | - Phần phân tích phân tích các yếu tố vị trí địa lý, tự nhiên, văn hóa xã hội, nguồn lực phát triển, tài nguyên hiện trạng…, qua đó, đã xác định các mặt thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức và đề xuất các ngành quan trọng của tỉnh cũng như các lĩnh vực đột phá.  - Một số chỉ tiêu phát triển chính đã được so sánh với một số ngành, lĩnh vực trong vùng đã được phân tích trong các ngành có liên quan.  - Vấn đề liên kết vùng đã được phân tích trong Mục 3.1. Mối liên hệ vùng.  - Các khó khăn cho sự phát triển của Quảng Trị đã được nêu trong mục 2.16. Đánh giá tổng hợp về hiện trạng và cơ hội phát triển của tỉnh Quảng Trị. |
| 3 | Về định hướng phát triển cho Quảng Trị, cần xác định rõ những khâu đột phá và nhiệm vụ trọng tâm, tuy nhiên vẫn còn dàn trải. Cần phải rõ hơn vấn đề đào tạo nguồn nhân lực, là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng đối với Quảng Trị. Đơn cử ngành du lịch, nguồn nhân lực du lịch quyết định đến chất lượng sản phẩm du lịch.  Ngành công nghiệp chế biến nên cân nhắc lại. Đầu vào cho ngành này còn nhiều hạn chế.  Cần bổ sung xung nội dung luận chứng xác định không gian chức năng phát triển cho kinh tế - xã hội của tỉnh, cần phân tích rõ hơn sự phân bố các nguồn lực tài nguyên về phát triển hệ thống đô thị, hạ tầng, cũng như phát triển các ngành quan trọng để từ đó luận chứng được không gian đó là phù hợp, trong từng không gian phải làm rõ thứ tự các ngành ưu tiên trong không gian đó, nếu không dẫn đến chồng lấn, mẫu thuẫn trong cùng một không gian.  Khu vực phát triển du lịch cần tiếp cận thuận lợi chứ không cần bám sát đường trục chính giao thông. | - Tiếp thu, đã điều chỉnh lại thành 4 lĩnh vực đột phá, trong đó có phát triển nguồn nhân lực.  - Công nghiệp chế biến bao gồm chế biến gỗ và các nông sản vẫn nên được duy trì để nâng cao giá trị chuỗi sản phẩm nông nghiệp sau thu hoạch.  - Định hướng không gian phát triển kinh tế - xã hội được xác định theo Phương pháp Casco - dựa trên các yếu tố về sinh thái, khung hạ tầng và hiện trạng hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh và các tiềm năng phát triển tại mỗi khu vực. Quy hoạch tỉnh được thực hiện theo phương pháp tích hợp các chuyên ngành có liên quan nên sẽ không bị mâu thuẫn, chồng chéo.  - Quy hoạch tỉnh chỉ xác định các khu vực có tiềm năng và định hướng phát triển du lịch. Còn vị trí cụ thể sẽ được xác định trong các bước quy hoạch cụ thể hơn. Không gian phát triển du lịch bao gồm nhiều loại chức năng khác nhau, bao gồm cả các khu dân cư và đô thị gắn với chức năng du lịch, chứ không chỉ là các khu nghỉ dưỡng tập trung. |
| 4 | Hệ thống bản đồ: đề nghị rà soát lại, chưa đáp ứng được kỹ thuật bản đồ | - Tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các nội dung có liên quan |
|  | - Bản đồ hiện trạng cũng như phương án phát triển du lịch còn khá sơ sài và chưa phù hợp với yêu cầu chuyên ngành, đặc biệt chưa thể hiện được hệ thống tuyến điểm du lịch, địa bàn trọng điểm du lịch, liên kết phát triển du lịch. Vì vậy cần được bổ sung và hoàn chỉnh hơn. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đơn vị tư vấn đã rà soát, chỉnh sửa lại bản đồ hiện trạng và định hướng phát triển du lịch. |
|  | - Bản đồ văn hóa – thể thao: cần thể hiện lại, bổ sung nội dung thể thao. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đơn vị tư vấn đã rà soát, chỉnh sửa bản đồ hiện trạng và định hướng văn hóa, thể thao. |
|  | - Nền bản đồ, hệ thống giao thông, giao thông phải rõ ràng | - Tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các nội dung có liên quan |
| 5 | Tầm nhìn thể hiện khát vọng của tỉnh, trong thảo chưa làm rõ được tầm nhìn đến năm 2050. | - Tầm nhìn phát triển đã được thảo luận và thống nhất với các cơ quan chức năng của Tỉnh và phù hợp với nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt. |
| 6 | Đối với ngành du lịch:  Xác định rõ hơn lợi thế so sánh (về tiềm năng, về vị trí, về cơ hội) của du lịch Quảng Trị trong mối quan hệ với một số địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, đặc biệt có cùng trình độ phát triển như Hà Tĩnh, Quảng Ngãi. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đơn vị tư vấn đã bổ sung, xác định rõ hơn lợi thế so sánh của du lịch Quảng Trị trong mối quan hệ với một số địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.  Các nội dung này được rà soát cập nhật tại:  - Phần 2.7.6-hiện trạng phát triển ngành du lịch trên địa bàn tỉnh trong Báo cáo tổng hợp  - Trong báo cáo chuyên đề được làm rõ trong phần II. Phân tích, đánh giá các tiềm năng phát triển du lịch tỉnh Quảng Trị |
|  | Cần đánh giá tính hiệu quả về kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của du lịch Quảng Trị thời gian qua với tư cách là ngành kinh tế quan trọng đã được xác định. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đơn vị tư vấn đã bổ sung đánh giá tính hiệu quả về kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của du lịch Quảng Trị.  Các nội dung này được rà soát, cập nhật tại:  - Phần 2.7.6-hiện trạng phát triển ngành du lịch trên địa bàn tỉnh trong Báo cáo tổng hợp  - Trong báo cáo chuyên đề được làm rõ trong phần II.Phân tích, đánh giá các tiềm năng phát triển du lịch tỉnh Quảng Trị, đặc biệt trong phần 1.Vị trí, vị thế của du lịch tỉnh Quảng Trị |
|  | Cần làm rõ hơn hiện trạng khai thác, bảo tồn và phát huy các giá trị tài nguyên du lịch, đặc biệt các giá trị tạo nên lợi thế và sự khác biệt trong phát triển du lịch Quảng Trị. Bên cạnh đó cũng cần xác định rõ hơn thực trạng tác động của hoạt động phát triển KT-XH, biến đổi khí hậu đến phát triển du lịch. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đơn vị tư vấn đã làm rõ hơn hiện trạng khai thác, bảo tồn và phát huy các giá trị tài nguyên du lịch, đặc biệt các giá trị tạo nên lợi thế và sự khác biệt trong phát triển du lịch Quảng Trị  Các nội dung này được rà soát, cập nhật tại:  - Phần 2.7.6-hiện trạng phát triển ngành du lịch trên địa bàn tỉnh trong Báo cáo tổng hợp  - Trong báo cáo chuyên đề được làm rõ trong phần II.Phân tích, đánh giá các tiềm năng phát triển du lịch tỉnh Quảng Trị, đặc biệt trong phần 6.2.Công tác lập quy hoạch, kế hoạch về phát triển du lịch và phần 6.3. Quản lý các khu, điểm du lịch |
|  | Cần bổ sung đánh giá về hoạt động quản lý và hoạt động liên kết vùng, liên kết khu vực của du lịch Quảng Trị. Đây là những vấn đề quan trọng đối với phát triển điểm đến, đặc biêt đối với những những điểm đến còn hạn chế phát triển như Quảng Trị. | Hiện trạng hoạt động quản lý, liên kết vùng, liên kết khu vực của du lịch Quảng Trị đã có trong Nội dung đề xuất ngành du lịch tỉnh Quảng Trị tại mục***5.2.3. Định hướng tổ chức không gian du lịch*** |
|  | - Đặc biệt cần xác định rõ những vấn đề (điểm nghẽn) đang đặt ra đối với phát triển du lịch bền vững tỉnh Quảng Trị với tư cách là ngành kinh tế quan trọng của địa phương, trong đó có nguyên nhân của tình trạng “bất động” chưa phát triển của địa bàn động lực du lịch là Cửa Tùng - Cồn Cỏ - Cửa Việt. | Đơn vị tư vấn đã xác định những vấn đề khó khăn đang đặt ra đối với phát triển du lịch Quảng Trị.  Các nội dung này được rà soát, cập nhật tại:  - Phần 2.7.6.10. Những tồn tại, hạn chế cần được giải quyết trong Báo cáo tổng hợp  - Trong báo cáo chuyên đề được làm rõ trong phần: VIII. Đánh giá chung hiện trạng, đặc biệt là phần 1. Những tồn tại, hạn chế cần được giải quyết trong lĩnh vực du lịch tỉnh. |
|  | Về Phương án phát triển du lịch Quảng Trị:  Về cơ bản những định hướng chuyên ngành được đưa ra trong phướng án phát triển du lịch Quảng Trị tại dự thảo báo cáo là khá rõ ràng để đảm bảo Quảng Trị trở thành điểm đến hấp dẫn và cạnh tranh không chỉ trong vùng Bắc Trung Bộ, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung mà còn với cả nước và thâm chí là khu vực, tuy nhiên sau khi nghiên cứu phương án phát triển du lịch được thể hiện tại Mục 5.2, trang 331-342, một số vấn đề sau cần được lưu ý: |  |
|  | - Các mục tiêu cụ thể cần gắn với lộ trình cụ thể theo các mốc thời gian thực hiện trong thời kỳ quy hoạch. | Các mục tiêu cụ thể đã đưa ra các mốc thời gian thực hiện trong thời kỳ quy hoạch. |
|  | - Cần xem lại tính khả thi của mục tiêu đến năm 2030 du lịch Quảng Trị thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với đóng góp trên 10% vào GRDP của tỉnh, trong khi hiện trạng đóng góp cao nhất là 3,66% (năm 2019), thậm chí năm 2020 chỉ còn 1,02% do tác động của Đại dịch Covid-19. Thời gian đến năm 2030 không còn nhiêu, trong khi tác động của Đại dịch Covid-19 chưa được hoàn toàn kiểm soát bên cạnh nguy cơ của những bệnh dịch khác. Ngoài ra, hoạt động du lịch Việt Nam nói chung và du lịch Quảng Trị nói riêng cũng chịu tác động không nhỏ từ những xung đột trên thế giới và biến đổi khí hậu. | Theo Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 phê duyệt năm 2017 và Đề án cơ cấu lại ngành du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị phê duyệt năm 2020, đều hướng đến mục tiêu đến năm 2025 ngành du lịch Quảng Trị trở thành kinh tế mũi nhọn. Tuy nhiên, các quy hoạch, đề án dự báo phát triển du lịch tỉnh chưa phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Đặc biệt Quy hoạch tổng thể phát triển phát triển du lịch Quảng Trị được xây dựng vào thời điểm từ năm 2015-2017, khi bối cảnh kinh tế Việt Nam và khu vực có nhiều thuận lợi, những dự án động lực được phê duyệt chủ trương và tiến hành đầu tư. Xu thế du lịch Việt Nam và thế giới có những tín hiệu rất lạc quan và các chỉ số tăng trưởng tích cực. Do đó, nội dung đề xuất ngành du lịch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đưa ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. |
|  | - Cần bổ sung làm rõ định hướng về liên kết du lịch, theo đó Quảng Trị là một “mắt xích” quan trọng có khả năng bổ sung sản phẩm du lịch khác biệt để tạo nên sự hấp dẫn đặc biệt của chuỗi giá trị du lịch của vùng Bắc Trung Bộ cũng như của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và là điểm đầu của Việt Nam - “Cửa đến” ra biển Đông trên tuyến du lịch Hành lang kinh tế Đông Tây. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đơn vị tư vấn đã làm rõ định hướng liên kết du lịch Quảng Trị tại mục *c) Các tuyến du lịch* phần **5.2.3. Định hướng tổ chức không gian du lịch** |
|  | - Về tổ chức không gian du lịch: không gian du lịch ven biển được xác định là “đóng vai trò động lực phát triển du lịch tỉnh” với các sản phẩm du lịch chủ yếu là du lịch nghỉ dưỡng biển kết hợp VCGT, thể thao biển gắn với bất động sản du lịch. Đây là một định hướng đúng, tuy nhiên cần làm rõ khả năng cạnh tranh điểm đến Quảng Trị nhất là khi điều kiện tiếp cận với Quảng Trị còn chưa thuận lợi. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đơn vị tư vấn sẽ bổ sung làm rõ khả năng cạnh tranh điểm đến Quảng Trị về du lịch ven biển.  Các nội dung này được rà soát cập nhật tại:  - Trong báo cáo chuyên đề được làm rõ trong phần: II. Phân tích, đánh giá các tiềm năng phát triển du lịch tỉnh Quảng Trị, đặc biệt trong các mục 1. Vị trí, vị thế của du lịch tỉnh Quảng Trị; mục 2. Tài nguyên du lịch; mục 4.Tiềm năng về tuyến hành lang kinh tế Đông Tây; và mục 5.Nguồn lực khác |
|  | Đối với phát triển du lịch Cồn Cỏ với tư cách là một cực của địa bàn trọng điểm du lịch, cần hết sức lưu ý đến “sức chứa” của điểm đến đứng từ góc độ sinh thái cũng như khả năng cấp nước, năng lực thu gom và xử lý chất thải. | Đây là quy hoạch tỉnh, chỉ dừng lại ở các định hướng mang tầm chiến lược cấp tỉnh và trong phạm vi của Quy hoạch tỉnh sẽ không có nội dung đánh giá chi tiết cho 1 điểm đến nhỏ. Nội dung này sẽ được thể hiện trong các dự án ở bước sau.  Mặt khác, Quy hoạch tỉnh cũng đã đề xuất mở rộng không gian phát triển trên biển để bổ sung quy mô phát triển cho điểm đảo Cồn Cỏ. |
|  | Nội dung về phát triển du lịch với tư cách là ngành kinh tế quan trọng được thực hiện bài bản mang tính chuyên nghiệp cao, tuy nhiên cần được luận chứng một cách rõ hơn về vai trò của du lịch bởi hiện trạng phát triển du lịch Quảng Trị còn rất hạn chế, đặc biệt khi đóng góp của du lịch vào GRDP của tỉnh mới đạt trên dưới khoảng 3%; số lao động trong ngành du lịch năm 2020 mới chiếm 7,4% tổng số lao động trong độ tuổi trên địa bàn tỉnh. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đơn vị tư vấn đã luận chứng rõ hơn về vai trò của du lịch Quảng Trị trong báo cáo chuyên đề Du Lịch.  Các nội dung này được thể hiện tại: phần II.Dự báo các chỉ tiêu phát triển du lịch, mục 2. Dự báo phương án phát triển du lịch trong Báo cáo chuyên đề du lịch.  Trong báo cáo tổng hợp chỉ đưa vào những nội dung chính, là kết quả nghiên cứu của các chuyên đề. |
|  |  |  |

1. **Thạc sĩ Nguyễn Văn Chinh – Nguyên Viện trưởng Viện Quy hoạch và thiết kế nông thôn**

Báo cáo Quy hoạch tỉnh Quảng Trị đến năm 2030 tầm nhìn 2050 theo hướng tích hợp các lĩnh vực, các huyện, thành phố, thị xã có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh có tính tới yếu tố liên vùng và hội nhập quốc tế đã đáp ứng mục tiêu, yêu cầu, nội dung của Luật Quy hoạch và hệ thống Luật pháp có liên quan cũng như chủ trương, nghị quyết của Đảng, Chính phủ và văn kiện Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII.

Nội dung, kết cấu báo cáo đáp ứng được mục đích, yêu cầu nội dung công văn 373/BKHĐT-CLQH ngày 22/01/2021 của Bộ Kế hoạch đầu tư về hướng dẫn cách thức, mức độ chi tiết, lập tích hợp quy hoạch tỉnh.

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | **Quy hoạch nông nghiệp – lâm nghiệp – thủy sản đến năm 2030 tầm nhìn 2050** (trong Báo cáo tổng hợp phần hiện trạng từ trang 65 đến trang 93, phần quy hoạch từ trang 347 đến trang 374. Trong Báo cáo cuối kỳ lần 1 từ trang 121 đến trang 138). |  |
| 1.1 | Nông nghiệp |  |
|  | - Phần hiện trạng sản xuất nông nghiệp: Báo cáo đã trình bầy đầy đủ, rõ, phân tích sâu sắc thực trạng sản xuất nông nghiệp của Tỉnh thời kỳ 2010-2020 về các nội dung giá trị, tốc độ tăng trưởng, diện tích, năng suất, sản lượng, vùng trồng, vùng nuôi, xu thế phát triển trồng trọt, chăn nuôi qua đó rút ra đánh giá về kết quả đạt được, hạn chế của ngành trồng trọt và chăn nuôi của tỉnh thời kỳ 2010-2020 đúng đắn. |  |
|  | - Phương hướng phát triển sản xuất nông nghiệp 2021-2030: Báo cáo trình bầy mục tiêu phát triển nông nghiệp, định hướng phát triển cây trồng con nuôi chủ lực, cơ cấu theo vùng, cây trồng chủ lực của tỉnh. Giải pháp phát triển nông nghiệp của tỉnh đến năm 2030. Chúng tôi thấy rằng mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể cây trồng, vật nuôi chủ lực, chỉ tiêu diện tích cây trồng chủ lực, chỉ tiêu về phát triển gia súc gia cầm, cơ cấu vùng trồng, cây trồng hàng hóa trình bầy trong báo cáo có cơ sở khoa học và thực tiễn. |  |
| 1.2 | Phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp |  |
|  | - Phần hiện trạng lâm nghiệp: Báo cáo trình bầy giá trị tăng thêm (VA) lĩnh vực lâm nghiệp; tổng diện tích đất rừng và đất lâm nghiệp, diện tích đất có rừng trồng, diện tích nhóm bảo vệ trừng (phòng hộ và đặc dụng). Diện tích rừng trồng bình quân mỗi năm. Năng suất rừng trồng, sản lượng khai thác gỗ rừng trồng hàng năm. Tồn tại ngành lâm nghiệp, nguyên nhân. |  |
|  | - Mục tiêu phát triển bền vững ngành lâm nghiệp: Báo cáo trình bầy định hướng, mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, nhiệm vụ chính của ngành lâm nghiệp cụ thể, sâu sắc, có cơ sở khoa học và thực tiễn phù hợp chiến lược phát triển lâm nghiệp của quốc gia. |  |
| 1.3 | Hiện trạng và phương hướng phát triển ngành thủy sản |  |
|  | *- Hiện trạng ngành thủy sản:* Báo cáo trình bầy tổng sản lượng khai thác từ năm 2010 đến năm 2020. Diện tích nuôi trồng thủy sản, sản lượng nuôi trồng thủy sản. Đội tầu khai thác thủy sản, cơ sở chế biến thủy sản. Cảng cá, khu neo đậu tránh bão cho tầu cá ở đất liền và đảo Cồn Cỏ. Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, thách thức của ngành thủy sản sâu sắc, đầy đủ. | |
|  | *- Phương hướng phát triển ngành thủy sản:* Báo cáo trình bầy quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển các lĩnh vực: khai thác thủy sản xa bờ, nuôi trồng thủy sản (nuôi vùng triều, nuôi lót bạt trên cát, sản xuất giống). Đối tượng nuôi chủ lực, xây dựng vùng nuôi tập trung, phát triển chế biến thủy sản, phát triển làng nghề chế biến thủy sản. Phần này báo cáo trình bầy đầy đủ, có cơ sở khoa học và thực tiễn. | |
| 2 | **Phần quy hoạch nông lâm nghiệp thủy sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2030 tầm nhìn 2050** trình bầy trong báo cáo tổng hợp và báo cáo cuối kỳ lần I cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu, mục tiên nội dung quy hoạch ngành trong quy hoạch tích hợp của tỉnh. Tuy vậy còn thiếu phần tầm nhìn đến năm 2050. | Báo cáo đã có tầm nhìn đến năm 2030:   * Nông nghiệp:  Tầm nhìn đến 2050   - Tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoán sản xuất nông nghiệp theo chuỗi để kiểm soát sản phẩm, cung cấp các sản phẩm nông nghiệp, nông sản, thực phẩm chất lượng cao phục vụ trong nước và xuất khẩu.  - Tập trung xây dựng những vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với bảo quản, chế biến; ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao, sản xuất theo quy trình thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp sinh thái.  - Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi) đạt 3%/năm. Giá trị sản lượng trên 1 ha đất canh tác gấp 2-2,5 lần so với năm 2030.  - Nâng cao giá trị cây trồng hàng hóa chủ lực chiếm trên 80% giá trị sản xuất lĩnh vực trồng trọt. Vật nuôi chủ lực hàng hóa chiếm 50-60% giá trị sản xuất lĩnh vực chăn nuôi.  - Cơ giới hóa áp dụng hầu hết các khâu trong sản xuất.  - Phát triển chăn nuôi trở thành ngành kinh tế kỹ thuật hiện đại và được công nghiệp hóa ở hầu hết các khâu từ sản xuất, chế biến, bảo quản đến kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm; trên 80% sản phẩm chăn nuôi được sản xuất trong các trang trại được kiểm soát, quản lý chặt chẽ.  - Xây dựng, hình thành các vùng chăn nuôi tập trung, hàng hóa với phương thức chăn nuôi chuyên nghiệp, chuyên môn hóa. Ứng dụng rộng rãi công nghệ 4.0 trong công tác quản lý các hoạt động chăn nuôi.  - Kiểm soát tốt công tác giết mổ gia súc, gia cầm, đưa hoạt động giết mổ vào các cơ sở giết mổ tập trung quy mô vừa, lớn.  - Khống chế và kiểm soát tốt các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm, nhất là các bệnh có khả năng lây nhiễm sang con người.   * Lâm nghiệp   1.3.1.1.3. Tầm nhìn đến 2050  - Tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoán sản xuất nông nghiệp theo chuỗi để kiểm soát sản phẩm, cung cấp các sản phẩm nông nghiệp, nông sản, thực phẩm chất lượng cao phục vụ trong nước và xuất khẩu.  - Tập trung xây dựng những vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với bảo quản, chế biến; ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao, sản xuất theo quy trình thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp sinh thái.  - Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi) đạt 3%/năm. Giá trị sản lượng trên 1 ha đất canh tác gấp 2-2,5 lần so với năm 2030.  - Nâng cao giá trị cây trồng hàng hóa chủ lực chiếm trên 80% giá trị sản xuất lĩnh vực trồng trọt. Vật nuôi chủ lực hàng hóa chiếm 50-60% giá trị sản xuất lĩnh vực chăn nuôi.  - Cơ giới hóa áp dụng hầu hết các khâu trong sản xuất.  - Phát triển chăn nuôi trở thành ngành kinh tế kỹ thuật hiện đại và được công nghiệp hóa ở hầu hết các khâu từ sản xuất, chế biến, bảo quản đến kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm; trên 80% sản phẩm chăn nuôi được sản xuất trong các trang trại được kiểm soát, quản lý chặt chẽ.  - Xây dựng, hình thành các vùng chăn nuôi tập trung, hàng hóa với phương thức chăn nuôi chuyên nghiệp, chuyên môn hóa. Ứng dụng rộng rãi công nghệ 4.0 trong công tác quản lý các hoạt động chăn nuôi.  - Kiểm soát tốt công tác giết mổ gia súc, gia cầm, đưa hoạt động giết mổ vào các cơ sở giết mổ tập trung quy mô vừa, lớn.  - Khống chế và kiểm soát tốt các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm, nhất là các bệnh có khả năng lây nhiễm sang con người.  5.4.2.1.2. Định hướng đến năm 2050  Đến năm 2050, ngành lâm nghiệp thực sự trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật hiện đại, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao; phát huy hiệu quả tiềm năng và lợi thế của rừng nhiệt đới; tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ đa dạng, giá trị gia tăng cao, tham gia sâu rộng trong chuỗi cung ứng giá trị toàn cầu; đóng góp ngày càng lớn cho sự phát triển bền vững của tỉnh.  Phát triển lâm nghiệp bền vững từ khâu lâm sinh xây dựng vốn rừng đến khai thác, chế biến, dịch vụ và công tác tổ chức quản lý. Ứng dụng công nghệ chuyển đổi số trong công tác quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng. Phát huy các lợi thế so sánh, áp dụng khoa học công nghệ để tăng năng suất chất lượng, hiệu quả trong lâm nghiệp. Đưa lâm nghiệp trở thành ngành có đóng góp quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường.  Phát huy lợi thế so sánh của địa phương về công nghiệp chế biến gỗ, đưa tỉnh Quảng Trị trở thành trung tâm cung cấp nguyên liệu, chế biến gỗ rừng trồng của khu vực miền Trung. Xây dựng trung tâm sản xuất giống cây lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao để cung cấp giống cây lâm nghiệp có chất lượng cung cấp cho nhu cầu trong địa bàn tỉnh. |
| 3 | **Một số ý kiến tham gia, trao đổi hoàn thiện quy  hoạch tỉnh Quảng Trị đến năm 2030 tầm nhìn 2050** |  |
| **3.1** | **Phần nhận định, đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Trị** |  |
|  | - Cần đánh giá sâu sắc hơn vị trí địa lý kinh tế của tỉnh Quảng Trị. Chúng ta phải thấy rằng Quảng Trị là tỉnh có vị trí địa lý trọng yếu trong sự nghiệp dựng nước, giữ nước và xây dựng đất nước. Về vị trí địa lý kinh tế có đường biên giới quốc gia với Lào, là tỉnh miền Trung cầu nối Bắc - Nam. Về địa hình có vùng núi, vùng trung du, đồng bằng ven biển và biển đảo. Với vị trí và kết cấu địa hình như vậy, Quảng Trị có điều kiện để phát triển kinh tế nói chung và nông nghiệp nói riêng đa dạng - hiệu quả - bền vững. | - Tiếp thu, rà soát các nội dung có liên quan  - Trong dự thảo đã đề cập đến tại mục **3.1. Mối quan hệ liên vùng** |
| 3.2 | Nông nghiệp (bao gồm cả lâm nghiệp - thủy sản) - nông thôn - nông dân luôn gắn kết chặt chẽ, hữu cơ với nhau. Nghị quyết số 19-TW/NQ Trung ương 5 khóa XIII của Đảng đã khẳng định rõ nội dung này. Do vậy chúng tôi thấy rằng trong quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050 cần có nội dung: Hiện trạng và định hướng phát triển nông nghiệp (bao gồm lâm nghiệp, thủy sản) - nông thôn - nông dân tỉnh Quảng Trị đến năm 2030 tầm nhìn 2050. | Lặp, trùng với dòng dưới 4.2 |
|  | 4.2. ***Nông nghiệp (bao gồm cả lâm nghiệp - thủy sản) - nông thôn - nông dân luôn gắn kết chặt chẽ, hữu cơ với nhau***. Nghị quyết số 19-TW/NQ Trung ương 5 khóa XIII của Đảng đã khẳng định rõ nội dung này. Do vậy chúng tôi thấy rằng trong quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050 cần có nội dung: Hiện trạng và định hướng phát triển nông nghiệp (bao gồm lâm nghiệp, thủy sản) - nông thôn - nông dân tỉnh Quảng Trị đến năm 2030 tầm nhìn 2050. | Trong các nội dung: kinh tế chung, kinh tế nông nghiệp, hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện….), hạ tầng xã hội ( trường học, trạm y tế, nhà văn hóa…) đã đều có đánh giá liên quan đến nông dân và nông thôn.  Một số mục tiêu trong báo cáo đã mang đầy đủ tinh thần của Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 như: Tốc độ tăng trưởng GDP ngành nông nghiệp; chỉ tiêu số xã đạt chuẩn NTM, nâng cao; chỉ tiêu đơn vị NTM cấp huyện, thu nhập bình quân của người dân nông thôn; tỷ lệ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; Tỷ trọng trong nông nghiệp trong tổng lao động xã hội; tỷ lệ che phủ rừng và tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý. |
|  | 4.2.1. Nông nghiệp |  |
|  | Ngoài những nội dung đã trình bầy trong báo cáo tổng hợp và báo cáo cuối kỳ, chúng tôi xin tham gia một số ý sau: |  |
|  | 4.2.1.1. *Định hướng phát triển nông nghiệp Quảng Trị đến năm 2030 tầm nhìn 2050:* theo chúng tôi nông nghiệp Quảng Trị cần phát triển theo hướng nông nghiệp sinh thái - nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn. | Báo cáo cáo cũng đã đưa ra định hướng phát triển nông nghiệp Quảng Trị đến năm 2030 tầm nhìn 2050 phát triển theo hướng nông nghiệp sinh thái - nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn tại mục tiêu ***(5) Phát triển nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ*** phần ***3.4.2. Các ngành trọng điểm phát triển trong giai đoạn quy hoạch:*** |
|  | - Nông nghiệp sinh thái: phát triển nông nghiệp sinh thái là phát triển nông nghiệp trên cơ sở phù hợp quy luật sinh thái, phù hợp điều kiện tự nhiên kinh tế từng vùng, bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên. Phát triển trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản hài hòa đảm bảo cân bằng sinh thái, tránh ô nhiễm môi trường, phát triển bền vững. | Chuyên gia nêu khái niệm nông nghiệp sinh thái |
|  | Để phát triển nông nghiệp sinh thái trước hết cần cập nhật các vùng sinh thái của tỉnh: vùng chuyên canh lúa, vùng chuyên canh cà phê, cao su, hồ tiêu. Vùng chăn nuôi gia súc gia cầm, vùng nuôi trồng thủy sản nước ngọt và nuôi trồng trên sông, trên biển. Đặc biệt phải bảo vệ chặt chẽ rừng tự nhiên, vùng phát triển sản xuất rừng đặc dụng vào quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh. | Báo cáo đã xác định vùng chuyên canh lúa, ùng chuyên canh cà phê, cao su, hồ tiêu. Vùng chăn nuôi gia súc gia cầm, vùng nuôi trồng thủy sản nước ngọt và nuôi trồng trên sông, trên biển |
|  | - Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: có thể hiểu ngắn gọn phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là phát triển một nền nông nghiệp có năng suất cao, chất lượng tốt nhưng ít phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên. Quảng Trị là một trong những tỉnh của nước ta có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, tần suất lũ, bão, hạn hán cao. Do vậy phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là hướng phát triển hiện tại và tương lai. | Chuyên gia nêu khái niệm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao |
|  | Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở Quảng Trị trước hết phải xây dựng quy hoạch phát triển các vùng, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được tích hợp vào quy hoạch của tỉnh đến năm 2030 tầm nhìn 2050. Xác định nhu cầu sản phẩm của khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. |  |
|  | - Phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn: là phát triển nền nông nghiệp tự nhiên, truyền thống. Tránh tác hại do sử dụng hóa chất nông nghiệp và phương pháp công nghiệp tạo ra nông sản có chất lượng tự nhiên (không có dư lượng thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản nông sản, các loại hóa chất công nghiệp trong thức ăn chăn nuôi), hạn chế mọi dạng ô nhiễm đối với đất, nước. môi trường thức ăn. |  |
|  | Đặc điểm nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn sản phẩm tạo ra có nguồn dinh dưỡng tốt, không độc hại làm tăng cường sức khỏe của người tiêu dùng nhưng năng suất thấp, giá thành cao, thị trường tiêu thụ giới hạn. Mặc dù vậy đây là xu thế phát triển của nền nông nghiệp hiện tại và tương lai. |  |
|  | Quảng Trị là tỉnh có điều kiện tự nhiên, khí hậu, đất đai vùng miền núi, đảo, biển phù hợp phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn trong thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn 2050. Tỉnh cần quy hoạch xây dựng một số vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, trước hết tập trung ưu tiên vùng đất mới khai thác: miền núi, đảo, biển chưa có điều kiện thâm canh cao. |  |
|  | 4.2.1.2. Định hướng phát triển lâm nghiệp |  |
|  | Quảng Trị là tỉnh có đất rừng và diện tích rừng lớn. Diện tích đất rừng chiếm 62,5% diện tích đất tự nhiên, diện tích đất có rừng chiếm 52,3% diện tích đất tự nhiên. Rừng có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước và trong phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Do vậy bảo vệ, phát triển rừng là nội dung quan trọng trong quy hoạch tích hợp của tỉnh. Ngoài những nội dung định hướng phát triển rừng đã trình bầy trong báo cáo theo chúng tôi cần bổ sung định hướng phát triển sản phẩm dưới tán rừng: cây làm thuốc, các loại nấm, loại gia súc, gia cầm bán tự nhiên,… để tăng thu nhập cho đồng bào giữ rừng. Có như vậy mới đảm bảo phát triển rừng bền vững. | Báo cáo cũng đã định hướng phát triển cây dược liệu dưới tán rừng ở Phương án phát triển nông nghiệp. Nội dung phát triển loại gia súc, gia cầm bán tự nhiên dưới tán rừng trong kỳ quy hoạch trước cũng đã được đặt ra, tuy nhiên chưa đạt được kết quả cao. |
|  | 4.2.1.3. Thủy sản |  |
|  | Quảng Trị có hệ thống sông ngòi đa dạng, có vùng biển đảo, có điều kiện phát triển thủy sản nước ngọt, nuôi trồng hải sản trên biển và đánh bắt hải sản. Ngoài nội dung đã trình bầy quy hoạch thủy sản trong báo cáo thẻo chúng tôi cần bổ sung nội dung quy hoạch nuôi trồng hải sản trên vùng biển đảo có điều kiện tự nhiên thuận lợi, ít ảnh hưởng điều kiện thời tiết bất thuận lũ, bão. | Do vùng biển tỉnh là vùng biển hở, không có các eo, vịnh kín gió. Mặt khác, khu vực biển Hải Lăng đang đề xuất xây dựng cảng Mỹ Thủy, khu vực biển Vĩnh Linh đang đề xuất thành lập Khu bảo tồn biển và sau năm 2030 đề xuất thành lập khu dự trữ sinh quyển thiên nhiên thế giới Cồn Cỏ - Vĩnh Thái - Kim Thạch,... nên việc phát triển nuôi trồng hải sản trên vùng biển của tỉnh sẽ gặp nhiều khó khăn. |
|  | 4.2.2. Nông thôn |  |
|  | Nông thôn Quảng Trị có vị trí đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh. Báo cáo cần có nội dung quy hoạch định hướng phát triển nông thôn Quảng Trị đến năm 2030 tầm nhìn 2050 với các nội dung chủ yếu: kinh tế nông thôn – cơ sở hạ tầng nông thôn – kiến trức nông thôn – môi trường nông thôn – văn hóa – giáo dục – y tế nông thôn phù hợp với từng vùng sinh thái của tỉnh: vùng miền núi – trung du – đồng bằng – ven đô – ven biển – biển đảo. Cùng với thực hiện chương trình nông thôn mới, Quảng Trị cần có quy hoạch định hướng xây dựng nông thôn tiên tiến, nông thôn kiểu mẫu đến năm 2030. | Như trên đã giải trình, trong các nội dung về kinh tế chung, kinh tế nông nghiệp, hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện….), hạ tầng xã hội ( trường học, trạm y tế, nhà văn háo…) cũng đã đưa ra những chỉ tiêu liên quan đến nông thôn. |
|  | 4.2.3. Nông dân |  |
|  | Báo cáo cần có mục định hướng phát triển nông dân Quảng Trị đến năm 2030 tầm nhìn 2050 với mục tiêu: nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn. Đảm bảo phát triển hài hòa giữa các vùng tạo sự chuyển biến nhanh ở các vùng xa trung tâm, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào ở vùng biên giới, hải đảo còn nhiều khó khăn. Nông dân được đào tạo có trình độ sản xuất cao, đủ bản lĩnh chính trị đóng vai trò làm chủ nông thôn mới. | Như trên đã trình bày, các nội dung trong báo cáo ở các phần khác nhau cũng đã đưa ra những nội dung về nông dân. |
|  | Những nội dung cần thể hiện trong định hướng phát triển nông dân Quảng Trị đến năm 2030 và tầm nhìn 2050: thu nhập, tỷ lệ lao động có việc làm, tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn đô thị, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. |  |
|  | **5. Dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2022 – 2030**  Theo chúng tôi nên bổ sung dự án ưu tiên cho ngành nông nghiệp – xây dựng nông thôn mới và trí thức hóa nông dân. Khi quy hoạch Quảng Trị được phê duyệt đến năm 2030 thời gian chỉ còn 7 - 8 năm, nguồn lực của tỉnh, của chính phủ có hạn, nên cần tập trung ưu tiên xây dựng dự án cấp thiết. Chúng tôi xin gợi ý một số dự án liên quan đến nông nghiệp, nông thôn, nông dân mà trong báo cáo quy hoạch tỉnh Quảng Trị đến năm 2030 tầm nhìn 2050 chưa thể hiện:  (1). Dự án xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Quảng Trị. Tỉnh cần dành quỹ đất cho khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Dùng nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng, giao thông, điện nước,… Mời doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản xuất nông nghiệp cả trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.  (2). Xây dựng nông thôn mới. Cùng với việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới quốc gia, tỉnh tập trung ưu tiên xây dựng nông thôn mới tiên tiến, kiểu mẫu. Nên xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu đại diện cho các vùng sinh thái: vùng miền núi, trung du, vùng đồng bằng, vùng ven biển.  (3). Trí thức hóa nông dân. Xây dựng dự án thu hút lực lượng có trí thức nông nghiệp về công tác ở vùng nông thôn. Cùng với xây dựng dự án đào tạo nông dân để nâng cao kiến thức sản xuất nông lâm ngư nghiệp gắn liền bảo quản, chế biến và thị trường tiêu thụ. Qua đó nâng cao thu nhập của nông dân.  (4). Để thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp, ngành nông nghiệp Quảng Trị nên có dự án ưu tiên xây dựng cơ sở dữ liệu về nông nghiệp, nông thôn, nông dân. Theo chúng tôi để chuyển đổi số, áp dụng công nghệ 4.0, 5.0 việc xây dựng cơ sở dữ liệu là bước tiền đề cơ sở quan trọng. | - Tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các nội dung có liên quan |
|  |  |  |

1. **Liên danh tư vấn Công ty Sakae Corporate Advisory và Công ty tư vấn Surbana Jurong**

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| **1** | **Về tổng quan:**  Chúng tôi thống nhất quan điểm về cách tiếp cận và phương Quy hoạch của LDI (tương tự như cách của chúng tôi)  Chúng tôi cũng cho rằng cơ sở của Quy hoạch chung là điều kiện, môi trường hiện có, thách thức, khát vọng của người dân và sự phát triển kinh tế xã hội |  |
| **2** | **Chúng tôi đặt ra câu hỏi cần trả lời “Nên tập trung phát triển khu vực nào để tránh quy hoạch tràn lan”:** |  |
|  | Cho đến năm 2030, chúng tôi đề xuất tập trung thực hiện Đô thị hóa tại các khu vực trong và xung quanh các khu đô thị hiện tại. | Hệ thống đô thị được định hướng trên cơ sở phân tích tổng thể các tiềm năng và cơ hội, trong đó bao gồm mối liên kết với các khu chức năng hiện hữu. |
|  | Nên tránh xây dựng mật độ thấp hoặc nhà ở thấp tầng bởi việc này sẽ làm tăng đầu tư vào cơ sở hạ tầng và kém hiệu quả. | Mô hình nhà ở được đề xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, phong tục tập quán và nhu cầu từng đô thị. Tuy nhiên, thống nhất với ý kiến là đô thị nên xây dựng gọn lại, mật độ dân cư cao hơn. |
|  | Các khu vực thực hiện đô thị hóa mới cần có mật đô thích hợp để hướng tới xây dựng một Quảng Trị nhỏ gọn phù hợp với Tầm nhìn Quốc gia Việt Nam. | Thống nhất quan điểm nên “nhỏ, gọn” để phát huy hiệu quả hạ tầng và không tác động lớn đến cảnh quan sinh thái. |
|  | Nên xây dựng các khu công nghiệp mới để cũng cố các khu công nghiệp đang triển khai hoặc xung quanh các khu đầu tư cơ sở hạ tầng lớn (như Cảng và Sân bay). Những khu công nghiệp mới nên xây dựng gần khu đô thị đông dân cư, hoặc những nơi cần thiết cho phát triển kinh tế. | - Thống nhất quan điểm. Các vị trí lựa chọn phát triển công nghiệp được đề xuất đều có kết nối thuận lợi với hệ thống hạ tầng và có khoảng cách phù hợp đến các khu dân cư. |
|  | Chúng tôi xác định Lao Bảo là cửa ngõ chính kế nối Việt Nam và Lào, là nơi có nền tảng tốt về mặt cơ sở hạ tầng và nguồn kinh tế. Đây sẽ một nút quan trọng trong Khu vực Đông Nam Á. | - Thống nhất quan điểm. Lao Bảo là điểm đô thị quan trọng trong hệ thống đô thị của tỉnh. |
| **3** | **Làm thế nào để củng cố Hàng lang Kinh tế Đông Tây (HLKT Đông Tây)** |  |
|  | HLKT Đông Tây có vai trò quan trọng trong kế hoạch dài hạn. Nó sẽ giúp thu hút người dân Lào và Thái Lan sử dụng cơ sở hạ tầng quan trọng (như cảng biển quốc tế) và các tiện nghi ở Quảng Trị. | - Thống nhất. |
|  | Lao Bảo và Cảng biển Mỹ Thủy là 2 trọng điểm cần tập trung phát triển tại HLKT Đông Tây. | - Thống nhất. |
| **4** | **Giải pháp đối với Du lịch, ngành tiềm năng phát triển Quảng Trị** |  |
|  | Nên quảng bá phát triển du lịch Quảng Trị với Quảng Bình, Huế, Đà Nẵng và một phần Quảng Nam để tạo thành một tụ điểm du lịch hấp dẫn của miền Trung.  Du lịch Quảng Trị thay vì cạnh tranh trực tiếp với các khu vực kể trên, nên hợp tác phát triển để thúc đẩy du lịch khu vực. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đơn vị tư vẫn cũng đã đưa ra những định hướng và giải pháp liên kết phát triển du lịch Quảng Trị với các tỉnh như Quảng Bình, Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam,… tại mục *c) Các tuyến du lịch* phần **5.2.3. Định hướng tổ chức không gian du lịch** |
|  | Ngành du lịch có thể tận dụng khai thác cơ sở hạ tầng sẵn có trong  khu vực để giảm nguồn vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng (như sân bay quốc tế, cảng du lịch, v.v.), thay vào đó sử dụng vốn cho các cơ sở vật chất phục vụ du lịch | Quảng Trị định hướng giai đoạn trước mắt sẽ tận dụng hạ tầng sẵn có trong vùng (như sân bay quốc tế, cảng du lịch, v.v.). Nhưng việc xây dựng sân bay Quảng Trị sẽ tạo thuận lợi hơn cho phát triển du lịch. |
|  | Truyền thông về chuỗi du lịch miền Trung: Trải nghiệm các hoạt động khám phá thiên nhiên Quảng Bình, lịch sử ở Quảng Trị, văn hóa và nghệ thuật cổ đại tại Huế, hoạt động vui chơi, giải trí tại Đà Nẵng và Quảng Nam. | Thống nhất. Báo cáo tổng thể cũng đã đề xuất định hướng và giải pháp liên kết phát triển du lịch Quảng Trị với các tỉnh như Quảng Bình, Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam,… |
|  | Đối với Quảng Trị, cần phải xây dựng các địa điểm và chương trình du lịch gắn liền với lịch sử chiến tranh, tự nhiên, nông nghiệp,… để nâng cao tính độc đáo của du lịch Tỉnh | Thống nhất. Báo cáo tổng thể cũng đã phương án phát triển du lịch Quảng Trị, bao gồm những địa điểm, chương trình, sản phẩm du lịch gắn liền với lịch sử chiến tranh, tự nhiên, nông nghiệp,… để nâng cao tính độc đáo của du lịch Tỉnh. |
| **5** | **Quy hoạch cần có một kế hoạch bảo tồn đất có tầm nhìn dài hạn** |  |
|  | Quy hoạch tổng thể cần xem xét một kế hoạch có tầm nhìn dài hạn để đảm bảo có đủ đất đai cho phát triển trong tương lai ở cả khu vực thành thị và nông thôn. | Định hướng phát triển không gian và quy hoạch sử dụng đất đã được nghiên cứu với tầm nhìn đến năm 2050. |
|  |  |  |